

**BỘ TÀI CHÍNH**  
**HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

**ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2021**

*(Ban hành theo Quyết định số 169 /QĐ-HVTC ngày 05 / 3/2021  
của Giám đốc Học viện Tài chính)*

# MỤC LỤC

<b>I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng đề án)</b> .....	<b>1</b>
<b>1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường</b> .....	<b>1</b>
<b>2. Quy mô đào tạo</b> .....	<b>1</b>
<b>3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất</b> .....	<b>2</b>
3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất .....	2
3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất của kỳ thi tốt nghiệp THPT .....	3
<b>II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng</b> .....	<b>4</b>
<b>1. Tuyển sinh đại học chính quy</b> .....	<b>4</b>
1.1. Đối tượng tuyển sinh .....	4
1.2. Phạm vi tuyển sinh .....	4
1.3. Phương thức tuyển sinh và nguyên tắc xét tuyển năm 2021 .....	4
1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh.....	9
1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT .....	11
1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của Học viện.....	11
1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/ thi tuyển, tổ hợp môn thi/ bài thi đối với từng ngành đào tạo... ..	11
1.8. Chính sách ưu tiên: .....	14
1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.....	14
1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có) .....	14
1.11. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy năm 2021 .....	15
1.12. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm .....	15
1.13. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất).....	15
1.14. Tài chính .....	15
<b>2. Tuyển sinh vừa làm vừa học trình độ đại học</b> .....	<b>16</b>
2.1. Đối tượng tuyển sinh .....	16
2.2. Phạm vi tuyển sinh .....	16
2.3. Phương thức tuyển sinh .....	16
2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh.....	16
2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển.....	16
2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của Học viện .....	16
2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT .....	16
2.8. Chính sách ưu tiên .....	17
2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.....	17
2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có). .....	17
2.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành) .....	17

2.12. Thời gian dự kiến tuyển sinh và các đợt tuyển bổ sung trong năm.....	17
<b>3. Tuyển sinh liên thông chính quy, vừa làm vừa học từ Cao đẳng lên Đại học .....</b>	<b>17</b>
3.1. Đối tượng tuyển sinh .....	17
3.2. Phạm vi tuyển sinh .....	18
3.3. Phương thức tuyển sinh .....	18
3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh.....	18
3.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT .....	19
3.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của Học viện .....	19
3.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT .....	19
3.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.....	19
3.9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)...	19
3.10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....	19
3.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm: .....	19
<b>4. Tuyển sinh trình độ đại học các hình thức chính quy, vừa làm vừa học đối với người có bằng Đại học.....</b>	<b>19</b>
4.1. Đối tượng tuyển sinh .....	19
4.2. Phạm vi tuyển sinh .....	20
4.3. Phương thức tuyển sinh .....	20
4.4. Chỉ tiêu tuyển sinh.....	20
4.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT .....	20
4.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của Học viện .....	20
4.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT .....	20
4.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.....	20
4.9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)...	21
4.10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....	21
4.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm: .....	21
<b>5. Tuyển sinh đặt hàng trình độ đại học .....</b>	<b>21</b>
5.1. Chỉ tiêu đào tạo.....	21
5.2. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.....	21
5.3. Các nội dung tuyển sinh đào tạo theo đặt hàng.....	21
Phụ lục 03.....	23
Phụ lục 04.....	24

## ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2021

### I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng đề án)

#### 1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

- Tên trường: Học viện Tài chính.
- Sứ mệnh: Cung cấp các sản phẩm đào tạo và nghiên cứu khoa học tài chính - kế toán chất lượng cao cho xã hội.
- Địa chỉ các trụ sở:
  - + Trụ sở chính - Cơ sở đào tạo: Số 58 Lê Văn Hiến, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
  - + Cơ sở đào tạo: Số 19C ngõ Hàng Cháo, phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
  - + Cơ sở đào tạo: Số 4, ngõ 1 Hàng Chuối, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà nội.
  - + Cơ sở đào tạo: Số 162 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.
- Địa chỉ trang thông tin điện tử: [www.hvtc.edu.vn](http://www.hvtc.edu.vn); [www.aof.edu.vn](http://www.aof.edu.vn).
- Số tài khoản: 3714.0.1057799.00000 tại Kho bạc nhà nước Tây Hồ.

#### 2. Quy mô đào tạo

STT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo	
		Khối ngành III	Khối ngành VII
<b>I</b>	<b>Chính quy</b>	<b>17.877</b>	<b>2.006</b>
<b>1</b>	<b>Sau đại học</b>	<b>1.181</b>	<b>188</b>
<b>1.1</b>	<b>Tiến sĩ</b>	<b>246</b>	
1.1.1	Tài chính - Ngân hàng	151	
1.1.2	Kế toán	95	
<b>1.2</b>	<b>Thạc sĩ</b>	<b>935</b>	<b>188</b>
1.2.1	Tài chính - Ngân hàng	608	
1.2.2	Kế toán	327	
1.2.3	Quản lý kinh tế		188
<b>2</b>	<b>Đại học</b>	<b>16.696</b>	<b>1.818</b>
<b>2.1</b>	<b>Đại học chính quy</b>	<b>15.889</b>	<b>1.818</b>

STT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo	
		Khối ngành III	Khối ngành VII
2.1.1	Ngôn ngữ Anh		809
2.1.2	Kinh tế		1.009
2.1.3	Quản trị kinh doanh	956	
2.1.4	Tài chính - Ngân hàng	8.308	
2.1.5	Kế toán	6.042	
2.1.6	Hệ thống thông tin quản lý	583	
<b>2.2</b>	<b>Liên thông từ cao đẳng lên đại học</b>	<b>622</b>	
2.2.1	Kế toán	622	
<b>2.3</b>	<b>Đào tạo trình độ đại học đối với người đã có bằng đại học trở lên</b>	<b>185</b>	
2.3.1	Tài chính - Ngân hàng	15	
2.3.2	Kế toán	170	
<b>II</b>	<b>Vừa làm vừa học</b>	<b>297</b>	
<b>1</b>	<b>Đại học vừa làm vừa học</b>	<b>215</b>	
1.1	Quản trị kinh doanh	48	
1.2	Tài chính - Ngân hàng	80	
1.3	Kế toán	87	
<b>2</b>	<b>Liên thông từ cao đẳng lên đại học</b>	<b>61</b>	
2.1	Kế toán	41	
2.2	Tài chính – Ngân hàng	20	
<b>3</b>	<b>Đào tạo trình độ đại học đối với người đã có bằng đại học trở lên</b>	<b>21</b>	
3.1	Kế toán	12	
3.2	Tài chính – Ngân hàng	9	

### 3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

#### 3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

- Năm 2019, Học viện tổ chức xét tuyển theo 03 phương thức:

- + Xét tuyển thẳng và ưu tiên cộng điểm theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- + Xét tuyển thẳng học sinh giỏi dựa vào kết quả học tập bậc THPT.
- + Xét tuyển căn cứ kết quả thi THPT Quốc gia năm 2019.

- Năm 2020, Học viện tổ chức xét tuyển 05 phương thức:

- + Xét tuyển thẳng và ưu tiên cộng điểm theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- + Xét tuyển học sinh giỏi ở bậc THPT.
- + Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020.
- + Xét tuyển kết hợp giữa chứng chỉ tiếng Anh quốc tế và kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020.

+ Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT đối với thí sinh nước ngoài.

### 3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT)

Khối ngành/ Ngành/ Tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh 2019			Năm tuyển sinh 2020		
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>Khối ngành III</b>						
- Ngành Tài chính – Ngân hàng	2.000	2.144		1.740	1.731	
A00, A01, D07			21,45			25,00
D01			22,00			25,00
+ Hải quan & Logistics*				50	143	
A01, D01, D07						31,17
+ Phân tích tài chính*				50	58	
A01, D01, D07						31,80
+ Tài chính doanh nghiệp*				150	220	
A01, D01, D07						30,17
- Ngành Kế toán	1.400	1.584		1.100	1.173	
A00, A01, D07			23,30			26,20
D01			23,00			26,20
+ Kế toán doanh nghiệp*				150	141	
A01, D01, D07						30,57
+ Kiểm toán*				100	145	
A01, D01, D07						31,00
- Ngành Quản trị kinh doanh	240	245		270	285	
A00, A01, D01, D07			23,55			25,50
- Ngành Hệ thống thông tin quản lý	120	158		120	174	
A00, A01, D01, D07			21,25			24,85
<b>Khối ngành VII</b>						
- Ngành Kinh tế	240	220		270	272	
A01, D01, D07			21,65			24,70
- Ngành Ngôn ngữ Anh	200	206		200	200	
A01, D01, D07			29,82			32,70
<b>Tổng</b>	<b>4.200</b>	<b>4.557</b>	<b>-</b>	<b>4.200</b>	<b>4.542</b>	<b>-</b>

Năm 2019 và 2020, Học viện chỉ xét tuyển đợt 1. Từ năm 2020, các chuyên

*ngành thuộc Chương trình đào tạo chất lượng cao (\*) có mã xét tuyển riêng và ngành Ngôn ngữ Anh điểm môn tiếng Anh nhân hệ số 2.*

## **II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng**

- Tổng diện tích đất của Học viện: **125.556 m<sup>2</sup>**.
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: **1.704 chỗ**.
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của Học viện tính trên một sinh viên chính quy: **3,04 m<sup>2</sup>/sinh viên**.

## **III. Các thông tin của năm tuyển sinh 2021**

### **1. Tuyển sinh đại học chính quy**

#### **1.1. Đối tượng tuyển sinh**

Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT).

Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

#### **1.2. Phạm vi tuyển sinh**

Học viện tuyển sinh trên phạm vi cả nước và các nước khác.

#### **1.3. Phương thức tuyển sinh và nguyên tắc xét tuyển năm 2021**

- (1) Xét tuyển thẳng và ưu tiên cộng điểm theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- (2) Xét tuyển học sinh giỏi ở bậc THPT.
- (3) Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021.
- (4) Xét tuyển kết hợp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế với kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021.
- (5) Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài.

##### **1.3.1. Xét tuyển thẳng và ưu tiên cộng điểm theo quy định của Bộ GD&ĐT**

*(Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

##### **1.3.2. Xét tuyển học sinh giỏi ở bậc THPT.**

###### **1.3.2.1. Đối tượng xét tuyển học sinh giỏi ở bậc THPT**

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT trên toàn quốc có hạnh kiểm 3 năm bậc THPT xếp loại Tốt (không xét thí sinh tốt nghiệp theo hình thức Giáo dục thường xuyên), có

đủ sức khỏe theo quy định hiện hành.

*\* Thí sinh được đăng ký tất cả các ngành của Học viện nếu thuộc một trong những đối tượng sau:*

(1) Tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế; trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế; thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Tư trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia có môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi về Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn (Phụ lục 03, 04).

(2) **Học lực Giỏi 3 năm** bậc THPT, trong đó kết quả học tập năm lớp 12 của mỗi môn thuộc tổ hợp đăng ký xét tuyển không dưới 7,0.

(3) **Học lực Giỏi 2 năm** bậc THPT trong đó có năm lớp 12 và kèm theo một trong các yêu cầu sau:

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW của một trong các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn.

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW có môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi về một trong lĩnh vực Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn

- Có chứng chỉ IELTS đạt tối thiểu từ 5.5 điểm hoặc TOEFL iBT đạt tối thiểu từ 55 điểm (còn hiệu lực tính đến thời điểm nộp hồ sơ).

- Có kết quả thi SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đạt tối thiểu từ 1050/1600 điểm hoặc ACT (American College Testing) đạt tối thiểu từ 22 điểm.

*\* Thí sinh chỉ được đăng ký ngành Ngôn ngữ Anh, ngành Kinh tế của Học viện nếu thuộc một trong những đối tượng sau:*

- **Học lực Giỏi năm lớp 12** và kèm theo một trong các yêu cầu sau:

+ Có chứng chỉ IELTS đạt tối thiểu từ 5.5 điểm hoặc TOEFL iBT đạt tối thiểu từ 55 điểm.

+ Có kết quả thi SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đạt tối thiểu từ 1050/1600 điểm hoặc ACT (American College Testing) đạt tối thiểu từ 22 điểm.

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW của một trong các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn.

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW có môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi về một trong lĩnh vực Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn.

*\* Thứ tự ưu tiên xét tuyển học sinh giỏi ở bậc THPT*

**Thứ tự ưu tiên 1:** Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi

Olympic quốc tế; trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế; thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Tư trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia có môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi về Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn.

**Thứ tự ưu tiên 2:** Thí sinh các lớp chuyên Toán, Tin, Lý, Hóa, Anh, Văn của trường THPT năng khiếu/chuyên quốc gia, trường THPT năng khiếu/chuyên cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW đạt học lực Giỏi 2 năm trở lên trong đó có năm lớp 12 và kèm theo một trong các yêu cầu sau:

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW của một trong các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn.

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW có môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi về một trong lĩnh vực Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn

- Có chứng chỉ IELTS đạt tối thiểu từ 5.5 điểm hoặc TOEFL iBT đạt tối thiểu từ 55 điểm.

- Có kết quả thi SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đạt tối thiểu từ 1050/1600 điểm hoặc ACT (American College Testing) đạt tối thiểu từ 22 điểm.

**Thứ tự ưu tiên 3:** Thí sinh các trường THPT trên toàn quốc đạt học lực Giỏi 2 năm trở lên trong đó có năm lớp 12 và kèm theo một trong các yêu cầu sau:

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW của một trong các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn.

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW có môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi về một trong lĩnh vực Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn

- Có chứng chỉ IELTS đạt tối thiểu từ 5.5 điểm hoặc TOEFL iBT đạt tối thiểu từ 55 điểm.

- Có kết quả thi SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đạt tối thiểu từ 1050/1600 điểm hoặc ACT (American College Testing) đạt tối thiểu từ 22 điểm.

**Thứ tự ưu tiên 4:** Thí sinh các trường THPT năng khiếu/chuyên quốc gia, trường THPT năng khiếu/chuyên cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc TW đạt học lực Giỏi 3 năm trong đó kết quả học tập năm lớp 12 của mỗi môn thuộc tổ hợp đăng ký xét tuyển không dưới 7,0 (thí sinh học các lớp chuyên Toán, Tin, Lý, Hóa, Anh, Văn được ưu tiên xét tuyển trước các lớp khác).

**Thứ tự ưu tiên 5:** Thí sinh các trường THPT trên toàn quốc đạt học lực Giỏi 3

năm trong đó kết quả học tập năm lớp 12 của mỗi môn thuộc tổ hợp đăng ký xét tuyển không dưới 7,0

*Riêng ngành Ngôn ngữ Anh, ngành Kinh tế, ngoài 5 thứ tự ưu tiên trên còn xét bổ sung thứ tự ưu tiên sau:*

**Thứ tự ưu tiên 2b:** Thí sinh các lớp chuyên Toán, Tin, Lý, Hóa, Anh, Văn của trường THPT năng khiếu/chuyên quốc gia, trường THPT năng khiếu/chuyên cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW có đủ một trong các điều kiện sau:

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW của một trong các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn.

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW có môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi về một trong lĩnh vực Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn

**- Học lực Giỏi năm lớp 12** và kèm theo một trong các yêu cầu sau:

+ Có chứng chỉ IELTS đạt tối thiểu từ 5.5 điểm hoặc TOEFL iBT đạt tối thiểu từ 55 điểm.

+ Có kết quả thi SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đạt tối thiểu từ 1050/1600 điểm hoặc ACT (American College Testing) đạt tối thiểu từ 22 điểm.

**Thứ tự ưu tiên 3b:** Thí sinh các trường THPT trên toàn quốc có đủ một trong các điều kiện sau:

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW của một trong các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn.

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW có môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi về một trong lĩnh vực Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, tiếng Anh, Ngữ văn

**- Học lực Giỏi năm lớp 12** và kèm theo một trong các yêu cầu sau:

+ Có chứng chỉ IELTS đạt tối thiểu từ 5.5 điểm hoặc TOEFL iBT đạt tối thiểu từ 55 điểm.

+ Có kết quả thi SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đạt tối thiểu từ 1050/1600 điểm hoặc ACT (American College Testing) đạt tối thiểu từ 22 điểm.

*\* Cách tính điểm xét tuyển:*

**ĐXT = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + ĐUT (nếu có)**

- Điểm môn 1 = ĐTB cả năm lớp 12 Môn 1

- Điểm môn 2 = ĐTB cả năm lớp 12 Môn 2

- Điểm môn 3 = ĐTB cả năm lớp 12 Môn 3

*(Trong đó, ĐXT: Điểm xét tuyển; ĐTB: Điểm trung bình, ĐUT: Điểm ưu tiên*

*đôi tượng theo quy chế tuyển sinh hiện hành).*

*\* Nguyên tắc xét tuyển:*

- Xét tuyển lần lượt theo thứ tự từ ưu tiên 1 đến ưu tiên 5, trong cùng một mức thứ tự ưu tiên, xét theo thứ tự nguyện vọng và lấy điểm từ cao xuống thấp dựa vào điểm xét tuyển cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

- Điểm xét tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân để xét tuyển. Nếu nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì lấy điểm trung bình môn Toán làm tiêu chí phụ xét từ cao xuống thấp.

### *1.3.3. Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT*

#### *1.3.3.1. Đối tượng xét tuyển*

Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2021 trên toàn quốc (không phân biệt thí sinh tốt nghiệp theo hình thức chính quy hay Giáo dục thường xuyên).

#### *1.3.3.2. Nguyên tắc xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021*

Thí sinh được đăng ký xét tuyển không giới hạn số nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Trong xét tuyển đợt 1, đối với từng ngành của Học viện, thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký.

Đối với mỗi thí sinh, nếu đăng ký xét tuyển vào nhiều ngành thì việc xét tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng; thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.

Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì thí sinh có điểm thi môn Toán cao hơn sẽ trúng tuyển. Nếu sau khi xét đến tiêu chí phụ mà vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn. Trường hợp chưa đủ chỉ tiêu thì Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Học viện quyết định tuyển đợt kế tiếp.

Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và Học viện xét tuyển thí sinh khác trong đợt xét tuyển bổ sung (nếu có).

Kết thúc xét tuyển đợt 1, tại mức điểm trúng tuyển vào từng ngành, nếu còn chỉ tiêu, Học viện xét tuyển đợt bổ sung (đợt 2, 3...) theo quy định của Bộ GD&ĐT. Điểm nhận hồ sơ xét tuyển các đợt bổ sung không thấp hơn điểm trúng tuyển đợt 1 vào Học viện.

### *1.3.4. Xét tuyển kết hợp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế với kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021*

#### *1.3.4. 1. Đối tượng xét tuyển kết hợp*

Những thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2021 có kết quả điểm thi 02 bài/môn thi Toán + Ngữ văn hoặc Toán + Vật lý hoặc Toán + Hóa học từ 11 điểm trở lên và có chứng chỉ IELTS đạt tối thiểu từ 5.5 điểm hoặc TOEFL iBT đạt tối thiểu từ 55 hoặc kết quả thi SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đạt tối thiểu từ 1050/1600 hoặc ACT (American College Testing) đạt tối thiểu từ 22 điểm

#### 1.3.4.2. Nguyên tắc xét tuyển kết hợp

Xét tuyển bình đẳng với đối tượng xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021.

**Điểm xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + ĐUT (nếu có)**

Trong đó: - Điểm môn 1: Là điểm môn Toán

- Điểm môn 2: Là điểm môn Ngữ văn hoặc Vật lý hoặc Hóa học

- Điểm môn 3: Là điểm tiếng Anh quốc tế quy đổi theo thang điểm 10

- ĐUT: Điểm ưu tiên đối tượng theo quy chế tuyển sinh hiện hành

#### **Bảng quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo thang điểm 10**

TT	IELTS	TOEFL iBT	SAT	ACT	Quy đổi theo thang điểm 10
1	5.5	55 - dưới 60	1050 - dưới 1200/1600	22 – dưới 26	9,5
2	Từ 6.0 trở lên	60 trở lên	1200/1600 trở lên	26 trở lên	10

#### 1.3.5. Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài.

Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam.

Căn cứ kết quả học tập THPT của thí sinh, Giám đốc Học viện xem xét quyết định cho vào học. Ưu tiên thí sinh đã có thông báo tiếp nhận vào học của các trường đại học trên thế giới.

### 1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

#### \* Chỉ tiêu xét tuyển hệ Đại học chính quy

Tổng chỉ tiêu là 4.000 trong đó xét tuyển học sinh giỏi ở bậc THPT, ít nhất bằng 50%, số còn lại xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 và xét tuyển kết hợp.

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chuyên ngành	Mã tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu
----	--------------	-------------------------	-------------------------	----------

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chuyên ngành	Mã tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu	
<b>Chương trình chất lượng cao</b> ( <i>Điểm môn tiếng Anh nhân đôi đối với diện xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021</i> )				<b>700</b>	
1	7340201C06	Tài chính - Ngân hàng	Hải quan và Logistics	A01; D01; D07	100
2	7340201C09		Phân tích tài chính	A01; D01; D07	50
3	7340201C11		Tài chính doanh nghiệp	A01; D01; D07	200
4	7340301C21	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	A01; D01; D07	200
5	7340301C22		Kiểm toán	A01; D01; D07	150
<b>Chương trình đại trà</b> ( <i>Ngành Ngôn ngữ Anh điểm môn tiếng Anh nhân đôi đối với diện xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021</i> )				<b>3.300</b>	
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	A01; D01; D07	200	
2	7310101	Kinh tế	A01; D01; D07	240	
3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00; A01; D01; D07	240	
4	7340201	Tài chính - Ngân hàng	A00; A01; D07	1.160	
5	7340201D	Tài chính - Ngân hàng	D01	500	
6	7340301	Kế toán	A00; A01; D07	600	
7	7340301D	Kế toán	D01	240	
8	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	A00; A01, D01; D07	120	

Trường hợp không đủ chỉ tiêu, Học viện tiếp tục xét tuyển bổ sung theo các phương thức trên cho đến khi tuyển đủ chỉ tiêu dựa trên nguyên tắc không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Học viện ở đợt 1.

Khi xét tuyển học sinh giỏi ở bậc THPT, đối với các thí sinh ứng tuyển trong mỗi thứ tự ưu tiên, Học viện sẽ gọi xác nhận nhập học các thí sinh đăng ký vào chương trình chất lượng cao trước.

**\* Chỉ tiêu xét tuyển chương trình DDP liên kết đào tạo giữa Học viện Tài chính với trường đại học Greenwich (UK) mỗi bên cấp 1 bằng cử nhân**

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành	Mã tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu
1	7340201DDP	Tài chính - Ngân hàng	A00; A01; D01; D07	<b>120</b>

(Tuyển sinh theo đề án riêng, chi tiết xem trên trang tin điện tử: [www.hvtc.edu.vn](http://www.hvtc.edu.vn))

**\* Chỉ tiêu xét tuyển chương trình liên kết đào tạo Đại học Toulon (Cộng hòa Pháp)**

<b>TT</b>	<b>Tên ngành</b>	<b>Chỉ tiêu</b>
1	Bảo hiểm - Ngân hàng - Tài chính	200
2	Kế toán - Kiểm soát - Kiểm toán	

(Tuyển sinh theo đề án riêng, chi tiết xem trên trang tin điện tử: [www.hvtc.edu.vn](http://www.hvtc.edu.vn))

**1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT**

Điểm xét tuyển của thí sinh sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 vào từng ngành của Học viện Tài chính có tổng điểm 3 môn thi thuộc 1 trong các tổ hợp ĐKXT (đã cộng điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng) là từ 18 điểm trở lên đối với chương trình chuẩn và từ 19 điểm trở lên đối với chương trình chất lượng cao theo từng mã xét tuyển. Ngoài ra, không có môn thi trong tổ hợp xét tuyển có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống.

**1.6. Các thông tin cần thiết khác**

**1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/ thi tuyển, tổ hợp môn thi/ bài thi đối với từng ngành đào tạo**

**1.7.1. Xét tuyển thẳng và ưu tiên cộng điểm theo quy định của Bộ GD&ĐT**

**1.7.1.1. Xét tuyển thẳng điểm theo quy định của Bộ GD&ĐT**

\* Quy định về hồ sơ:

(1) Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng.

(2) Bản photo chứng thực: Giấy chứng nhận là thành viên tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực và quốc tế hoặc chứng nhận là thành viên đội tuyển tham dự Cuộc thi khoa học kỹ thuật quốc tế (có tên trong danh sách của Bộ GD&ĐT); Giấy chứng nhận đạt giải kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; Giấy chứng nhận đạt giải Cuộc thi khoa học kỹ thuật quốc gia và giấy chứng nhận các đối tượng ưu tiên tuyển thẳng khác.

\* Hình thức, thời gian đăng ký: Thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT gửi hồ sơ về Sở Giáo dục và Đào tạo theo thông báo của Sở GD&ĐT.

**1.7.1.2. Ưu tiên cộng điểm theo quy định của Bộ GD&ĐT:**

\* Quy định về hồ sơ:

(1) Phiếu ĐKXT có ghi rõ đợt xét tuyển, cho phép thí sinh đăng ký tối đa 2 ngành của Học viện. Các ngành được xét theo thứ tự ưu tiên từ 1 đến 2.

(2) Phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển.

(3) Bản photo chứng thực giấy chứng nhận đạt giải kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; giấy chứng nhận đạt giải Cuộc thi khoa học kỹ thuật quốc gia, quốc tế.

\* *Hình thức, thời gian đăng ký:* Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển vào Học viện gửi hồ sơ về Sở Giáo dục và Đào tạo theo thông báo của Sở GDĐT.

#### 1.7.1.3. Xét tuyển thẳng theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP

\* *Quy định về hồ sơ:*

(1) Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng.

(2) Bản photo chứng thực học bạ 3 năm học trung học phổ thông.

(3) Bản photo chứng thực hộ khẩu thường trú.

\* *Hình thức, thời gian đăng ký:* Hồ sơ gửi về Sở GD&ĐT theo thông báo của Sở GDĐT.

Sở GD&ĐT gửi hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển về Học viện theo quy định.

#### 1.7.2. Xét tuyển học sinh giỏi ở bậc THPT

\* *Quy định về hồ sơ:*

(1) Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Học viện.

(2) Các giấy tờ thí sinh nộp kèm theo gồm:

+ Bản photo chứng thực học bạ THPT (hoặc kết quả học tập trích ngang).

+ Bản photo chứng thực các giấy tờ ưu tiên đối tượng.

+ Bản photo chứng thực chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (nếu có).

+ Bản photo chứng thực giấy xác nhận của cơ quan thẩm quyền (Sở GDĐT/ Bộ GDĐT) về nội dung đề tài dự thi cấp tỉnh, cấp Bộ liên quan môn học (nếu có).  
(Xem Phụ lục 04).

Thí sinh nộp 1 bộ hồ sơ có thể đăng ký xét tuyển vào nhiều ngành của Học viện.

\* *Hình thức, thời gian đăng ký:*

- *Hình thức đăng ký:*

+ Đăng ký trực tuyến qua trang thông tin điện tử của Học viện:  
[www.hvtc.edu.vn](http://www.hvtc.edu.vn)

+ Nộp hồ sơ qua đường bưu điện theo thư đảm bảo hoặc chuyển phát nhanh theo địa chỉ phòng 110, Ban Quản lý đào tạo, Học viện Tài chính, số 58 Lê Văn Hiến, Phường Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

+ Nộp trực tiếp tại hội trường 700 Học viện Tài chính, số 58 Lê Văn Hiến, Phường Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

- *Thời gian đăng ký đợt 1:*

- + Đăng ký trực tuyến: Từ ngày **01/6 – 14/6/2021**.
- + Nộp qua bưu điện: Từ ngày **01/6 – 14/6/2021**.
- + Nộp trực tiếp tại Học viện: Từ ngày **05/6 – 14/6/2021**.

- Thời gian đăng ký đợt 2:

- + Nộp qua bưu điện: Từ ngày **28/6 – 29/6/2021**.
- + Nộp trực tiếp tại Học viện: Từ ngày **28/6 – 01/7/2021**.

\* Thời gian công bố kết quả xét tuyển và xác nhận nhập học:

- Thời gian công bố kết quả xét tuyển: dự kiến trước ngày **22/7/2021**.

- Thời gian thí sinh xác nhận nhập học: dự kiến trước ngày **31/7/2021**. Thí sinh đủ điều kiện xác nhận nhập học phải nộp bản gốc giấy chứng nhận kết quả thi THPT năm 2021 (xem thông báo chi tiết trên trang thông tin điện tử của Học viện).

\* Lệ phí xét tuyển học sinh giỏi ở bậc THPT: 100.000 đồng/ 1 hồ sơ.

### 1.7.3. Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021

\* Quy định về hồ sơ:

Hồ sơ ĐKXT theo quy định của Bộ GD&ĐT. Thí sinh được ĐKXT vào tất các ngành của Học viện.

\* Hình thức, thời gian đăng ký: Hình thức và thời gian đăng ký theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thí sinh được điều chỉnh nguyện vọng theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có): Thí sinh nộp Phiếu ĐKXT cho Học viện qua đường bưu điện theo hình thức thư chuyển phát nhanh hoặc đăng ký trực tuyến hoặc nộp trực tiếp tại Học viện, nộp lệ phí ĐKXT qua tài khoản ngân hàng của Học viện.

Điểm nhận hồ sơ xét tuyển các đợt bổ sung không thấp hơn điểm trúng tuyển đợt 1. Thời gian ĐKXT đợt bổ sung Học viện sẽ thông báo trên trang thông tin điện tử hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác.

Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin trong hồ sơ ĐKXT và hồ sơ đăng ký dự thi. Học viện từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin trong hồ sơ ĐKXT và hồ sơ đăng ký dự thi với hồ sơ gốc.

### 1.7.4. Xét tuyển kết hợp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế với kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021

\* Quy định về hồ sơ:

Ngoài việc đăng ký xét tuyển vào Học viện (qua Sở Giáo dục & Đào tạo) dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT tổ hợp A01 hoặc D01 hoặc D07, thí sinh phải gửi về

Học viện:

(1) Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Học viện.

(2) Bản photo chứng thực chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.

Thí sinh nộp 1 bộ hồ sơ có thể đăng ký xét tuyển vào nhiều ngành của Học viện.

*\* Hình thức, thời gian đăng ký:*

- *Hình thức đăng ký:* Đăng ký trực tuyến qua trang thông tin điện tử của Học viện [www.hvtc.edu.vn](http://www.hvtc.edu.vn).

- *Thời gian đăng ký:* Từ ngày **05/7 – 09/7/2021**.

*\* Thời gian công bố kết quả xét tuyển và xác nhận nhập học:*

- *Thời gian công bố kết quả xét tuyển:* Theo lịch của Bộ GDĐT cùng với đối tượng xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021.

- *Thời gian thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học:* Theo lịch của Bộ GDĐT cùng với đối tượng xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021. Thông báo chi tiết trên trang thông tin điện tử của Học viện: [www.hvtc.edu.vn](http://www.hvtc.edu.vn).

*\* Lệ phí xét tuyển:* 100.000 đồng/ 1 hồ sơ.

Hết thời hạn xác nhận nhập học đối với các phương thức xét tuyển, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và Học viện dành chỉ tiêu cho thí sinh khác trong đợt xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT.

### ***1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển***

Chính sách ưu tiên theo quy định của Bộ GD&ĐT.

### ***1.9. Lệ phí xét tuyển/thí tuyển***

Ngoài các đối tượng thí sinh ĐKXT ở mục 1.7.2; 1.7.3, thí sinh ĐKXT ở các phương thức xét tuyển còn lại nộp lệ phí theo quy định quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về lệ phí xét tuyển.

### ***1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm***

- Chương trình chuẩn: Học phí dự kiến năm học 2021-2022 là 15.000.000đ/sinh viên/năm học (60.000.000đ/sinh viên/khóa học); từ năm học 2022-2023 học phí sẽ được điều chỉnh theo quy định hiện hành của Nhà nước nhưng không vượt quá 10%/1 năm học).

- Chương trình chất lượng cao là 45.000.000đ/sinh viên/năm học. (180.000.000đ/sinh viên/khóa học).

- Diện tuyển sinh theo đặt hàng, bộ đội gửi học là 40.000.000đ/sinh viên/năm học (160.000.000đ/sinh viên/khóa học).

- Chương trình xét tuyển học sinh các nước: Theo quy định của Học viện đối với sinh viên nước ngoài diện tự túc kinh phí.

- Chương trình liên kết đào tạo mỗi bên cấp một bằng đại học giữa Học viện Tài chính với Trường Đại học Greenwich (Vương quốc Anh), học phí không thay đổi trong suốt 4 năm học như sau:

+ Học 4 năm trong nước: 280.000.000đ (mức học phí bình quân: 70.000.000đ/sinh viên/năm)

+ Học 3 năm trong nước + 1 năm tại Trường Đại học Greenwich (Vương quốc Anh): 770.000.000đ (mức học phí bình quân: 192.500.000đ/sinh viên/năm).

- Chương trình liên kết đào tạo Đại học Toulon cấp bằng học trong 3 năm: Chuyên ngành Bảo hiểm - Ngân hàng - Tài chính là 156.000.000đ (mức học phí bình quân: 52.000.000đ/sinh viên/năm); Chuyên ngành Kế toán-Kiểm soát-Kiểm toán là 168.000.000đ (mức học phí 2 năm đầu là 52.000.000đ/sinh viên/năm, riêng năm cuối là 64.000.000đ).

### ***1.11. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy năm 2021***

Địa chỉ trang thông tin điện tử của Học viện: [www.hvtc.edu.vn](http://www.hvtc.edu.vn)

Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

Hotline 1: 0961.481.086; Hotline 2: 0967.684.086; Hotline 3: 0981.896.517

### ***1.12. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm***

Tuyển sinh bổ sung đợt 2: tháng 10/2021 (nếu còn chỉ tiêu)

### ***1.13. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)***

Khối ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong 1 năm kể từ khi tốt nghiệp	
	K52	K53	K52	K53	K52	K53	K52	K53
<b>KN III</b>	3.660	3.660	3.516	3.803	3.039	3.503	98,12%	98,20%
<b>KN VII</b>	340	340	361	329	290	291	99,65%	98,63%
<b>Tổng</b>	<b>4.000</b>	<b>4.000</b>	<b>3.877</b>	<b>4.132</b>	<b>3.329</b>	<b>3.794</b>	<b>98,27%</b>	<b>98,23%</b>

### ***1.14. Tài chính***

- Tổng nguồn thu hợp pháp năm 2020 của Học viện: 216.549.000.000đ

- Tổng chi phí đào tạo trung bình một sinh viên năm 2020:

+ Chương trình chuẩn: 15.000.000đ/sinh viên/năm (chưa bao gồm kinh phí hỗ trợ từ NSNN).

+ Chương trình chất lượng cao: 45.000.000đ/sinh viên/năm (chưa bao gồm kinh phí hỗ trợ từ NSNN).

## **2. Tuyển sinh vừa làm vừa học trình độ đại học**

### **2.1. Đối tượng tuyển sinh**

- Đối tượng tốt nghiệp THPT, bổ túc THPT (gọi chung là THPT).
- Đối tượng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề (gọi chung là trung cấp).

### **2.2. Phạm vi tuyển sinh**

Học viện tổ chức tuyển sinh trong phạm vi cả nước.

### **2.3. Phương thức tuyển sinh**

Xét tuyển căn cứ vào kết quả học tập bậc THPT, trung cấp.

*Nguyên tắc xét tuyển:*

- Điểm xét tuyển của các tổ hợp xét tuyển khác nhau do thí sinh đăng ký có giá trị như nhau và được lấy từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.
- Điểm xét tuyển lấy đến 1 chữ số thập phân.

### **2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh**

<b>TT</b>	<b>Mã ngành</b>	<b>Tên ngành</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số QĐ đào tạo</b>	<b>Ngày ban hành QĐ</b>	<b>Cơ quan cấp phép</b>	<b>Năm bắt đầu đào tạo</b>
1	7340101	Quản trị kinh doanh	80	519/QĐ-BGDĐT	06/02/2003	Bộ GDĐT	2003
2	7340201	Tài chính – Ngân hàng	160	934/QĐ-BGDĐT	14/3/2018	Bộ GDĐT	1963
3	7340301	Kế toán	80	934/QĐ-BGDĐT	14/3/2018	Bộ GDĐT	1963
		<b>Tổng cộng:</b>	<b>320</b>				

### **2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển**

Đã tốt nghiệp bậc THPT; trung cấp.

### **2.6. Các thông tin cần thiết khác**

### **2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT**

- Hồ sơ: theo mẫu quy định phát hành tại Khoa Tài chức, Học viện Tài chính.
- Thời gian và địa điểm phát hành và nhận hồ sơ: Trong giờ hành chính từ tháng 3/2021 tại Khoa Tài chức, Học viện Tài chính (Phòng 115, tầng 1, nhà Hiệu bộ, số 58 Lê Văn Hiến, Bắc Từ Liêm, Hà Nội).

## **2.8. Chính sách ưu tiên**

Đối tượng tuyển thẳng là những người đã có bằng tốt nghiệp đại học.

## **2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển**

Lệ phí xét tuyển hệ vừa làm vừa học là: 100.000 đồng/lần xét tuyển, nộp ngay khi mua hồ sơ đăng ký dự tuyển.

## **2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm**

Mức học phí bằng 1,5 so với hệ Đại học chính quy chương trình đại trà. Mức tăng hàng năm không quá 10% so với năm học trước.

## **2.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)**

## **2.12. Thời gian dự kiến tuyển sinh và các đợt tuyển bổ sung trong năm**

- Tuyển sinh đợt 1: Tháng 5/2021; tuyển bổ sung đợt 1: 6/2021

- Tuyển sinh đợt 2: Tháng 10/2021; tuyển bổ sung đợt 2: 11/2021

## **3. Tuyển sinh liên thông chính quy, vừa làm vừa học từ Cao đẳng lên Đại học**

### **3.1. Đối tượng tuyển sinh**

#### **3.1.1. Loại hình chính quy**

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng thuộc khối ngành kinh tế, loại hình đào tạo chính quy, có ngành đào tạo đúng với ngành đào tạo Học viện thông báo tuyển sinh, sau khi trúng tuyển sẽ học theo chương trình đào tạo có thời hạn tối thiểu 1,5 năm.

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng “cử nhân thực hành” thuộc khối ngành kinh tế, có ngành đào tạo đúng với ngành đào tạo Học viện thông báo tuyển sinh, sau khi trúng tuyển sẽ học theo chương trình đào tạo có thời hạn tối thiểu 2 năm.

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng thuộc khối ngành kinh tế loại hình đào tạo chính quy, thuộc nhóm ngành kinh tế nhưng không đúng với ngành đào tạo mà Học viện thông báo tuyển sinh, sau khi trúng tuyển sẽ học theo chương trình đào tạo có thời gian tối thiểu 2 năm.

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng “cử nhân thực hành” thuộc nhóm ngành kinh tế, nhưng không đúng với ngành đào tạo mà Học viện thông báo tuyển sinh, sau khi trúng tuyển sẽ học theo chương trình đào tạo có thời gian tối thiểu 2,5 năm.

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng loại hình đào tạo chính quy của các trường nước ngoài, trường nước ngoài hoạt động hợp pháp ở Việt Nam thì văn bằng phải được công nhận theo quy định của Bộ GD&ĐT.

#### **3.1.2. Loại hình vừa làm vừa học**

\* Đối tượng đào tạo 1,5 năm:

Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng thuộc các loại hình đào tạo có ngành đào tạo đúng với ngành đào tạo mà Học viện thông báo tuyển sinh.

*\* Đối tượng đào tạo 2 năm:*

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng thuộc các loại hình đào tạo trong nhóm ngành kinh tế nhưng không đúng với ngành đào tạo mà Học viện thông báo tuyển sinh.

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng của các trường nước ngoài, trường nước ngoài hoạt động hợp pháp ở Việt Nam thì văn bằng phải được công nhận theo quy định của Bộ GD&ĐT.

### **3.2. Phạm vi tuyển sinh**

Học viện tuyển sinh trên toàn quốc.

### **3.3. Phương thức tuyển sinh**

#### **3.3.1. Loại hình chính quy**

Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc cao đẳng: Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng đạt loại Khá trở lên, điểm xét tuyển là điểm trung bình chung tích lũy ở bậc cao đẳng, xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

Thi tuyển đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng đạt loại Trung bình khá và Trung bình.

#### **3.3.2. Loại hình vừa làm vừa học**

Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc cao đẳng: Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng, điểm xét tuyển là điểm trung bình chung tích lũy ở bậc cao đẳng, xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

### **3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh hệ Liên thông đại học**

<b>TT</b>	<b>Mã ngành</b>	<b>Tên ngành</b>	<b>Chỉ tiêu chính quy</b>	<b>Chỉ tiêu vừa làm vừa học</b>	<b>Số QĐ đào tạo</b>	<b>Ngày ban hành QĐ</b>	<b>Cơ quan cấp phép</b>	<b>Năm bắt đầu đào tạo</b>
1	7340201	Tài chính – Ngân hàng	80	150	934/QĐ-BGDĐT	14/3/2018	Bộ GDĐT	1963
2	7340301	Kế toán	160	150	934/QĐ-BGDĐT	14/3/2018	Bộ GDĐT	1963
		<b>Tổng cộng:</b>	<b>240</b>	<b>300</b>				

### **3.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT**

Học viện quy định cụ thể kết quả xét tuyển, điểm trúng tuyển để đảm bảo chất lượng đầu vào.

### **3.6. Các thông tin cần thiết khác**

#### **3.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT**

- Hồ sơ: theo mẫu quy định phát hành của Học viện Tài chính.
- Thời gian, địa điểm phát hành và nhận hồ sơ: Trong giờ hành chính từ tháng 3/2021, thông tin chi tiết theo thông báo của Học viện.

#### **3.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển**

Theo quy định hiện hành và quy định của Học viện Tài chính.

#### **3.9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm**

Mức học phí bằng 1,5 so với hệ Đại học chính quy chương trình đại trà. Mức tăng hàng năm không quá 10% so với năm học trước.

#### **3.10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)**

#### **3.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:**

- Tuyển sinh đợt 1: Tháng 5/2021; tuyển bổ sung đợt 1: 6/2021
- Tuyển sinh đợt 2: Tháng 10/2021; tuyển bổ sung đợt 2: 11/2021

## **4. Tuyển sinh trình độ đại học các hình thức chính quy, vừa làm vừa học đối với người đã có bằng Đại học**

### **4.1. Đối tượng tuyển sinh**

#### **4.1.1. Loại hình chính quy**

*\* Đối tượng đào tạo 1,5 năm:*

Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học loại hình đào tạo chính quy có ngành đào tạo đúng hoặc gần với ngành đào tạo Học viện thông báo tuyển sinh.

*\* Đối tượng đào tạo 2,5 năm*

Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học loại hình đào tạo chính quy.

Thí sinh có bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có công nhận văn bằng do Bộ GD&ĐT xác nhận.

#### **4.1.2. Loại hình vừa làm vừa học**

*\* Đối tượng đào tạo 1,5 năm:*

Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học có ngành đào tạo đúng hoặc gần với ngành đào tạo Học viện thông báo tuyển sinh.

*\* Đối tượng đào tạo 2,5 năm*

Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học.

Thí sinh có bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có công nhận văn bằng do Bộ GD&ĐT xác nhận.

#### **4.2. Phạm vi tuyển sinh**

Học viện tuyển sinh trên toàn quốc.

#### **4.3. Phương thức tuyển sinh**

##### **4.3.1. Loại hình chính quy**

Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc đại học: Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển, điểm xét tuyển là điểm trung bình chung tích lũy ở bậc đại học.

##### **4.3.2. Loại hình vừa làm vừa học**

Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc đại học: Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển, điểm xét tuyển là điểm trung bình chung tích lũy ở bậc đại học.

#### **4.4. Chỉ tiêu tuyển sinh**

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu chính quy	Chỉ tiêu vừa làm vừa học	Số QĐ đào tạo	Ngày ban hành QĐ	Cơ quan cấp phép	Năm bắt đầu đào tạo
1	7340201	Tài chính – Ngân hàng	80	150	934/QĐ-BGDĐT	14/3/2018	Bộ GDĐT	1963
2	7340301	Kế toán	80	150	934/QĐ-BGDĐT	14/3/2018	Bộ GDĐT	1963
		<b>Tổng cộng:</b>	<b>160</b>	<b>300</b>				

#### **4.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT**

Học viện quy định cụ thể kết quả xét tuyển, điểm trúng tuyển để đảm bảo chất lượng đầu vào.

#### **4.6. Các thông tin cần thiết khác**

##### **4.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT**

- Hồ sơ: theo mẫu quy định phát hành của Học viện Tài chính.
- Thời gian, địa điểm phát hành và nhận hồ sơ: Trong giờ hành chính từ tháng 3/2021, thông tin chi tiết theo thông báo của Học viện.

##### **4.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển**

Theo quy định hiện hành và quy định của Học viện Tài chính.

#### **4.9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm**

Mức học phí bằng 1,5 so với hệ Đại học chính quy chương trình đại trà. Mức tăng hàng năm không quá 10% so với năm học trước.

#### **4.10. Các nội thông tin cần thiết khác**

**4.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:** tháng 5 và 10.

### **5. Tuyển sinh đặt hàng trình độ đại học**

#### **5.1. Chỉ tiêu đào tạo**

<b>TT</b>	<b>Mã ngành</b>	<b>Tên ngành</b>	<b>Mã tổ hợp</b>	<b>Chỉ tiêu</b>
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	A01, D01, D07	30
2	7310101	Kinh tế	A01, D01, D07	30
3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00, A01, D01, D07	30
4	7340201	Tài chính - Ngân hàng	A00, A01, D07, D01	100
5	7340301	Kế toán	A00, A01, D07, D01	80
6	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	A00, A01, D01, D07	20
		<b>Tổng</b>		<b>290</b>

Chỉ tiêu đào tạo đối với tuyển sinh đặt hàng trình độ đại học thuộc chỉ tiêu chính quy của Học viện, căn cứ nhu cầu đặt hàng của các đơn vị và khả năng đáp ứng của Học viện, Học viện sẽ phân bổ lại chỉ tiêu tuyển sinh giữa các ngành cho phù hợp.

#### **5.2. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào**

Điểm trúng tuyển theo đặt hàng, không thấp hơn điểm trúng tuyển của ngành đào tạo theo các phương thức Học viện đã công bố. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đặt hàng để đào tạo lao động cho các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp của tỉnh thuộc vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ; đối tượng thí sinh là người có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên tại tỉnh; tình cam kết sử dụng sinh viên tốt nghiệp thì điểm trúng tuyển không thấp hơn quá 1 (một) điểm so với điểm trúng tuyển của ngành đào tạo, tính theo thang điểm 30 nếu xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021.

#### **5.3. Các nội dung tuyển sinh đào tạo theo đặt hàng**

- Chi phí đào tạo: Do địa phương và người học chi trả, trên cơ sở thoả thuận giữa Học viện Tài chính và các địa phương, tổ chức, cá nhân.

- Dự kiến thời gian nhận hồ sơ: trước ngày **15/8/2021**. Hồ sơ gồm:

- + Số hộ khẩu thường trú (bản sao chứng thực);
- + Giấy chứng nhận kết quả thi THPT năm 2021;
- + Học bạ THPT hoặc tương đương (bản sao chứng thực);
- + Chứng nhận tốt nghiệp THPT năm 2021 (bản chính) hoặc Bằng Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (bản sao chứng thực);

+ Đăng ký tự nguyện tham gia đào tạo và cam kết làm việc tại địa phương sau khi tốt nghiệp (theo mẫu của địa phương, tổ chức quy định).

Lệ phí xét tuyển: 100.000đ/hồ sơ.

- Dự kiến thời gian nhập học: trước ngày **01/9/2021**.

Thông tin chi tiết Học viện sẽ có thông báo cụ thể.

Trong quá trình tuyển sinh nếu có vấn đề phát sinh về chỉ tiêu, Học viện sẽ có thông báo điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp giữa các hệ đảm bảo đúng quy định.

Trên đây là Đề án tuyển sinh năm 2021 của Học viện, trong quá trình thực hiện, căn cứ quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và tình hình thực tế, Học viện sẽ có phương án điều chỉnh phù hợp và công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử [www.hvtc.edu.vn/](http://www.hvtc.edu.vn/).

**GIÁM ĐỐC**

*(đã ký)*

**Nguyễn Trọng Cơ**

**NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC ĐÚNG/PHÙ HỢP THEO MÔN THI HỌC SINH GIỎI**  
(Kèm theo Quyết định số 169 /QĐ-HVTC ngày 05/ 3/2021 của Giám đốc Học viện Tài chính)

<b>TT</b>	<b>Môn thi</b>	<b>Ngành đúng</b>	<b>Ngành phù hợp</b>
1	Toán		Tài chính – Ngân hàng
			Kế toán
			Quản trị kinh doanh
			Hệ thống thông tin quản lý
			Ngôn ngữ Anh
			Kinh tế
2	Vật lý		Tài chính – Ngân hàng
			Kế toán
			Quản trị kinh doanh
			Hệ thống thông tin quản lý
			Ngôn ngữ Anh
			Kinh tế
3	Hóa học		Tài chính – Ngân hàng
			Kế toán
			Quản trị kinh doanh
			Hệ thống thông tin quản lý
			Ngôn ngữ Anh
			Kinh tế
4	Ngữ văn		Tài chính – Ngân hàng
			Kế toán
			Quản trị kinh doanh
			Hệ thống thông tin quản lý
			Ngôn ngữ Anh
			Kinh tế
5	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Tài chính – Ngân hàng
		Kế toán	
		Quản trị kinh doanh	
		Hệ thống thông tin quản lý	
		Kinh tế	
6	Tin học	Hệ thống thông tin quản lý	Tài chính – Ngân hàng
		Kế toán	
		Quản trị kinh doanh	
		Ngôn ngữ Anh	
		Kinh tế	

## DANH MỤC LĨNH VỰC CỦA CUỘC THI KH-KT

STT	Lĩnh vực	Lĩnh vực chuyên sâu	Ghi chú
1.	Toán học	Đại số; Phân tích; Rời rạc; Lý thuyết Game và Graph; Hình học và Tô pô; Lý thuyết số; Xác suất và thống kê;...	
2.	Vật lý và Thiên văn	Thiên văn học và Vũ trụ học; Vật lý nguyên tử; phân tử và quang học; Lý - Sinh; Vật lý trên máy tính; Vật lý thiên văn; Vật liệu đo; Từ, Điện từ và Plasma; Cơ học; Vật lý hạt cơ bản và hạt nhân; Quang học; La-de; Thu phát sóng điện từ; Lượng tử máy tính; Vật lý lý thuyết;...	
3.	Năng lượng: Vật lý	Năng lượng thủy điện; Năng lượng hạt nhân; Năng lượng mặt trời; Năng lượng nhiệt; Năng lượng gió;...	
4.	Khoa học vật liệu	Vật liệu sinh học; Gốm và Thủy tinh; Vật liệu composite; Lý thuyết và tính toán; Vật liệu điện tử, quang và từ; Vật liệu nano; Pô-li-me;...	
5.	Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật hàng không và vũ trụ; Kỹ thuật dân dụng; Cơ khí trên máy tính; Lý thuyết điều khiển; Hệ thống vận tải mặt đất; Kỹ thuật gia công công nghiệp; Kỹ thuật cơ khí; Hệ thống hàng hải;...	
6.	Hóa học	Hóa phân tích; Hóa học trên máy tính; Hóa môi trường; Hóa vô cơ; Hóa vật liệu; Hóa hữu cơ; Hóa Lý;...	
7.	Hóa Sinh	Hóa-Sinh phân tích; Hóa-Sinh tổng hợp; Hóa-Sinh-Y; Hóa-Sinh cấu trúc;...	
8.	Năng lượng: Hóa học	Nhiên liệu thay thế; Năng lượng hóa thạch; Phát triển tế bào nhiên liệu và pin; Vật liệu năng lượng mặt trời;...	
9.	Hệ thống nhúng	Kỹ thuật mạch; Vi điều khiển; Giao tiếp mạng và dữ liệu; Quang học; Cảm biến; Gia công tín hiệu;...	
10.	Rô bốt và máy thông minh	Máy sinh học; Lý thuyết điều khiển; Rô bốt động lực;...	
11.	Phần mềm hệ thống	Thuật toán; An ninh máy tính; Cơ sở dữ liệu; Hệ điều hành; Ngôn ngữ lập trình;...	
12.	Sinh học trên máy tính và Sinh-Tin	Kỹ thuật Y sinh; Dược lý trên máy tính; Sinh học mô hình trên máy tính; Tiến hóa sinh học trên máy tính; Khoa học thần kinh trên máy tính; Gen;...	

13.	Khoa học Trái đất và Môi trường	Khí quyển; Khí hậu; Ảnh hưởng của môi trường lên hệ sinh thái; Địa chất; Nước;...	
14.	Khoa học xã hội và hành vi	Điều dưỡng và phát triển; Tâm lý; Tâm lý nhận thức; Tâm lý xã hội và xã hội học;...	
15.	Kỹ thuật môi trường	Xử lý môi trường bằng phương pháp sinh học; Khai thác đất; Kiểm soát ô nhiễm; Quản lý chất thải và tái sử dụng; Quản lý nguồn nước;...	
16.	Y Sinh và khoa học Sức khỏe	Chẩn đoán; Điều trị; Phát triển và thử nghiệm dược liệu; Dịch tễ học; Dinh dưỡng; Sinh lý học và Bệnh lý học;...	
17.	Kỹ thuật Y Sinh	Vật liệu Y Sinh; Cơ chế Sinh học; Thiết bị Y sinh; Kỹ thuật tế bào và mô; Sinh học tổng hợp;...	
18.	Sinh học tế bào và phân tử	Sinh lý tế bào; Gen; Miễn dịch; Sinh học phân tử; Sinh học thần kinh;...	
19.	Khoa học động vật	Hành vi; Tế bào; Mối liên hệ và tương tác với môi trường tự nhiên; Gen và di truyền; Dinh dưỡng và tăng trưởng; Sinh lý; Hệ thống và tiến hóa;...	
20.	Vi Sinh	Vi trùng và kháng sinh; Vi sinh ứng dụng; Vi khuẩn; Vi sinh môi trường; Kháng sinh tổng hợp; Vi-rút;...	
21.	Khoa học Thực vật	Nông nghiệp; Mối liên hệ và tương tác với môi trường tự nhiên; Gen và sinh sản; Tăng trưởng và phát triển; Bệnh lý thực vật; Sinh lý thực vật; Hệ thống và tiến hóa;...	